

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Báo cáo tài chính Bán niên năm 2022 (Đã được soát xét)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;  
- Quý cổ đông;

### A. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
- Mã chứng khoán: PPE
- Mã số thuế: 0102403985
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CharmVit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0962.467.861
- Thông tin Người CBTT: Trần Thị Lý

### B. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

- Loại thông tin công bố  Định kỳ  Bất thường  Theo yêu cầu  
 24h  Khác
- Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính Bán niên Năm 2022 của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (Đã được soát xét).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise vào ngày 29/08/2022 tại đường link Website của Công ty: <http://pvpe.vn>  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN THỊ LÝ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ  
PP ENTERPRISE**

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022  
**đã được soát xét**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 – 20

03052  
C  
TRÁCH  
DỊCH  
TÀI CHÍNH  
VÀ  
N  
VI - 7

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (tên cũ là Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 ngày 31 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ chuyển giao công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM);
- .....

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 12 Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Quách Mỹ Hoa	Chủ tịch	Đến ngày 28/04/2022
Bà Nguyễn Thị Hải Minh	Chủ tịch	Từ ngày 28/04/2022
Ông Lê Cảnh Toàn	Thành viên	Đến ngày 28/04/2022
Bà Huỳnh Thị Kim Phao	Thành viên	Đến ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Mạnh Trường	Thành viên	Từ ngày 28/04/2022
Ông Trần Huỳnh Thanh Trà	Thành viên	Từ ngày 28/04/2022

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Cảnh Toàn	Giám đốc	Đến ngày 04/04/2022
Bà Lê Nguyễn Lan Vy	Giám đốc	Từ ngày 04/04/2022 đến ngày 26/05/2022
Ông Nguyễn Bách Bảo Vinh	Tổng Giám đốc	Từ ngày 26/05/2022

#### **Ủy ban Kiểm toán**

Ông Nguyễn Mạnh Trường	Chủ tịch	Từ ngày 11/05/2022
Ông Trần Huỳnh Thanh Trà	Thành viên	Từ ngày 11/05/2022

1388  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
VỤ TƯ  
NH KẾ  
KIỂM T  
M VI  
P. HỒ





Số : 108-2/BCSX/TC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise được lập ngày 26/08/2022, từ trang 5 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác, với ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 035-1/2021/DFK-HCM ngày 22/03/2022 và vấn đề cần nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 035/2021/DFK-HCM ngày 19/08/2021.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



**Nguyễn Anh Tuấn**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1559-2018-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.398.933.206</b>	<b>18.233.143.085</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>72.317.741</b>	<b>456.489.459</b>
1. Tiền	111		72.317.741	456.489.459
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.207.166.152</b>	<b>17.725.228.672</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.544.848	213.510.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	16.202.502.138	16.381.640.918
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch	134		223.055.963	223.055.963
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4.664.003	1.131.622.506
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(224.600.800)	(224.600.800)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	297.401.567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(297.401.567)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>119.449.313</b>	<b>51.424.954</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.403.052	48.619.601
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.10	60.046.261	2.805.353
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	-
- Nguyên giá	222		-	62.860.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(62.860.350)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>16.398.933.206</b>	<b>18.233.143.085</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.106.593.055</b>	<b>9.682.106.782</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.106.593.055</b>	<b>9.682.106.782</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	3.120.048.427	4.071.423.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	1.588.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	4.391.577	61.655.662
4. Phải trả người lao động	314		2.959.744	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.391.185.553	3.961.019.855
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>8.292.340.151</b>	<b>8.551.036.303</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.12	<b>8.292.340.151</b>	<b>8.551.036.303</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.854.526.437)	(11.595.830.285)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11.595.830.285)	(12.271.016.847)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(258.696.152)	675.186.562
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>16.398.933.206</b>	<b>18.233.143.085</b>

Người lập biểu

Trần Thị Lý

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kế toán trưởng

Đặng Quốc Thái



Nguyễn Bách Bào Vinh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	2.723.484.436
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	-	2.723.484.436
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	2.400.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	323.484.436
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	64.983	178.384
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	18.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	174.038.558	(734.735.057)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(173.973.575)	1.040.397.877
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.5	84.722.577	1.590.091
13. Lợi nhuận khác	40		(84.722.577)	(1.590.091)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(258.696.152)	1.038.807.786
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(258.696.152)	1.038.807.786
18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(129)	519

Người lập biểu

Trần Thị Lý

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kế toán trưởng

Đặng Quốc Thái



Nguyễn Bách Bào Vinh

1388  
ÔNG T  
SHIEM B  
VỤ T  
ỨNH K  
KIỂM T  
AM VI  
P. HỒ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(258.696.152)	1.038.807.786
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	-	-
- Các khoản dự phòng	03	(297.401.567)	(1.345.506.347)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(64.983)	(178.384)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(556.162.702)	(306.876.945)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.450.038.161	32.663.385.257
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	297.401.567	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.575.513.727)	(32.267.114.099)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	2.272.326
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(384.236.701)</b>	<b>91.666.539</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.983	178.384
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>64.983</b>	<b>178.384</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(384.171.718)</b>	<b>91.844.923</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	456.489.459	32.868.691
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	72.317.741	124.713.614

Người lập biểu

Trần Thị Lý

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kế toán trưởng

Đặng Quốc Thái



Tổng Giám đốc

Nguyễn Bách Bào Vinh

4-C.T.  
 Y  
 CƯ HẠN  
 VẤN  
 TƯ  
 VẤN  
 ĐẦU TƯ  
 PP  
 ENTERPRISE  
 CHỈ M

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (tên cũ là Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 ngày 31 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 12 Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ chuyển giao công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM);
- .....

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

Trong kỳ, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Trong kỳ, Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**3. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**4. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**6. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**7. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

0305  
TRÁCH  
DỊCH  
TÀI CHÍNH  
VÀ  
NHÀ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**9. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**10. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**11. Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	53.806.785	21.788.196
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.510.956	434.701.263
<b>Cộng</b>	<b>72.317.741</b>	<b>456.489.459</b>

10/01/2022

21306  
CÔNG TY  
NHỆM  
VỤ TƯ  
ÍNH KI  
KIỂM T  
AM VI  
TP. HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>1.544.848</b>	<b>213.510.085</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng & Thương mại Tân Thành Phát	-	59.760.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.544.848	153.750.085
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị Điện An Phú (*)	15.800.000.000	15.800.000.000
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	402.502.138	581.640.918
<b>Cộng</b>	<b>16.202.502.138</b>	<b>16.381.640.918</b>

(\*) Theo Hợp đồng cung cấp và lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời số 18/2020/EPC/AP-DKVN ngày 08/12/2020.

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	2.664.003	-
Ký quỹ thuê văn phòng	-	1.129.622.506
Phải thu khác	2.000.000	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.664.003</b>	<b>1.131.622.506</b>

**5. Dự phòng phải thu khó đòi**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ban điều hành Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	1.544.838	(1.544.838)	1.544.838	(1.544.838)
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	223.055.962	(223.055.962)	223.055.962	(223.055.962)
<b>Cộng</b>	<b>224.600.800</b>	<b>(224.600.800)</b>	<b>224.600.800</b>	<b>(224.600.800)</b>

Đơn vị tính: VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Hàng tồn kho**

	Đơn vị tính: VND			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	297.401.567	(297.401.567)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>297.401.567</b>	<b>(297.401.567)</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Đơn vị tính: VND	
	Thiết bị dụng cụ quản lý	
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm		62.860.350
Số tăng trong kỳ		-
Giảm khác		62.860.350
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>-</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm		62.860.350
Khấu hao trong kỳ		-
Giảm khác		62.860.350
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm		-
Tại ngày cuối kỳ		-
	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	62.860.350

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567
Ông Lê Cảnh Toàn	-	1.030.000.000
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	1.449.622.860	1.370.997.944
<b>Cộng</b>	<b>3.120.048.427</b>	<b>4.071.423.511</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
- Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.588.007.754</b>	<b>1.588.007.754</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải nộp/ giảm trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2022
<b>Phải nộp</b>	<b>61.655.662</b>	<b>3.142.978</b>	<b>60.407.063</b>	<b>4.391.577</b>
Thuế giá trị gia tăng	57.407.063	-	57.407.063	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.248.599	142.978	-	4.391.577
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>2.805.353</b>	<b>11.009</b>	<b>57.251.917</b>	<b>60.046.261</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.805.353	11.009	-	2.794.344
Thuế giá trị gia tăng	-	-	57.251.917	57.251.917

**11. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	5.225.262	5.225.264
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (*)	294.000.000	294.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	557.550.000
Phải trả tiền mượn ông Lê Cảnh Toàn	3.091.960.291	3.091.960.291
Phải trả khác	-	12.284.300
<b>Cộng</b>	<b>3.391.185.553</b>	<b>3.961.019.855</b>

(\*) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQĐHCĐ-TVĐLDK năm 2012 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 12. Vốn chủ sở hữu

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(12.271.016.847)	7.875.849.741
Lãi trong năm trước			675.186.562	675.186.562
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(11.595.830.285)	8.551.036.303
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(11.595.830.285)	8.551.036.303
Lỗ trong kỳ này			(258.696.152)	(258.696.152)
Số dư cuối kỳ này	20.000.000.000	146.866.588	(11.854.526.437)	8.292.340.151

## b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022 VND	%	01/01/2022 VND	%
Ông Nguyễn Duy Hạ	4.950.000.000	24,750	4.950.000.000	24,750
Bà Nguyễn Thị Hải Minh	4.363.000.000	21,815	4.363.000.000	21,815
Ông Nguyễn Tiến Thắng	2.993.000.000	14,965	2.993.000.000	14,965
Ông Ứng Quang Sơn	1.694.000.000	8,470	1.694.000.000	8,470
Vốn góp của các đối tượng khác	6.000.000.000	30,000	6.000.000.000	30,000
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
<b>Vốn của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	20.000.000.000	20.000.000.000

## d) Cổ phiếu

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	2.723.484.436
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.723.484.436</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	2.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.400.000.000</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi tiền gửi	64.983	178.384
<b>Cộng</b>	<b>64.983</b>	<b>178.384</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.102.722	216.000.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.430.980
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.345.506.347)
Chi phí dịch vụ mua hàng	167.935.836	140.931.667
Các khoản chi phí quản lý khác	-	250.408.643
<b>Cộng</b>	<b>174.038.558</b>	<b>(734.735.057)</b>

**5. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Các khoản bị phạt	84.482.324	-
Chi phí khác	240.253	1.590.091
<b>Cộng</b>	<b>84.722.577</b>	<b>1.590.091</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(258.696.152)	1.038.807.786
Các khoản điều chỉnh	84.722.577	(1.038.807.786)
- Các khoản điều chỉnh tăng	84.722.577	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	1.038.807.786
Lợi nhuận tính thuế	(173.973.575)	-
+ Thuế suất 20%	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty không thực hiện ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong kỳ do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai để thu hồi tài sản thuế thu nhập hoãn lại nếu được ghi nhận.

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(258.696.152)	1.038.807.786
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(258.696.152)	1.038.807.786
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(129)</b>	<b>519</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân công	3.102.722	216.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.935.836	140.931.667
Chi phí khác bằng tiền	-	253.839.623
<b>Cộng</b>	<b>174.038.558</b>	<b>610.771.290</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ủy ban kiểm toán của Công ty trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ		Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
				đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
				VND	VND
<b>Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán</b>					
1	Bà Quách Mỹ Hoa	Chủ tịch HĐQT	Đến ngày 28/04/2022	-	-
2	Bà Nguyễn Thị Hải Minh	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 28/04/2022	-	-
3	Bà Huỳnh Thị Kim Phao	Thành viên HĐQT	Đến ngày 28/04/2022	-	-
4	Ông Lê Cảnh Toàn	Thành viên HĐQT	Đến ngày 28/04/2022	-	-
5	Ông Nguyễn Mạnh Trường	Thành viên HĐQT và Chủ tịch UBKT	Từ ngày 28/04/2022	-	-
6	Ông Trần Huỳnh Thanh Trà	Thành viên HĐQT và Thành viên UBKT	Từ ngày 28/04/2022	-	-
<b>Ban Giám đốc</b>					
1	Ông Lê Cảnh Toàn	Giám đốc	Đến ngày 28/04/2022	-	72.000.000
2	Bà Lê Nguyễn Lan Vy	Giám đốc	Từ ngày 04/04/2022 đến ngày 26/05/2022	-	-
3	Ông Nguyễn Bách Bảo Vinh	Tổng Giám đốc	Từ ngày 26/05/2022	3.102.722	-
<b>Cộng</b>				<b>3.102.722</b>	<b>72.000.000</b>

**3. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là hoạt động cho thuê văn phòng. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trần Thị Lý

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kế toán trưởng

Đặng Quốc Thái



Tổng Giám đốc

Nguyễn Bách Bảo Vinh